

# TIỂU THUYẾT HỒ BIỂU CHÁNH GIAI ĐOẠN 1900 - 1930 TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA

NGUYỄN THỊ LINH CHI<sup>(\*)</sup>

1. Vào những năm đầu thế kỷ XX, Hồ Biểu Chánh nổi lên như một tiểu thuyết gia tiên phong trong việc cách tân đổi mới văn học dân tộc cả về nội dung và nghệ thuật. Những tác phẩm của ông không đơn thuần là kết quả sáng tạo nghệ thuật, mà còn là nơi lưu giữ ký ức văn hóa, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của người Nam Bộ, theo tinh thần: “Chủ động, tự chủ trước văn hóa người, tự tin trước văn hóa mình, quan tâm đến giá trị tinh thần mà xã hội Việt Nam đòi hỏi, là giá trị nhân đạo, nhân văn cho phù hợp với tinh thần đạo lý Việt Nam, chứ không bị ràng buộc vào cái “vô Tây”<sup>(1)</sup>. Tinh thần bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thông qua nội dung tư tưởng, cốt truyện tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh giai đoạn 1900 – 1930 đã khiến nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Liêm nhìn ông “như nhà viết sử về xã hội văn hóa miền Nam Việt Nam thời tiền bán thế kỷ XX”<sup>(2)</sup>. Theo Giáo sư Huỳnh Như Phương: “Văn học biểu hiện văn hoá, cho nên văn học là tấm gương của văn hoá. Trong tác phẩm văn học, ta tìm thấy hình ảnh của văn hoá qua sự tiếp nhận và tái hiện của nhà văn”<sup>(3)</sup>. Hướng tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa đã được nhiều nhà nghiên cứu văn học vận dụng. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh dưới góc nhìn văn hóa nhằm soi sáng những vỉa quặng văn hóa Nam bộ đậm nét trong sáng tác của ông.

2. Hồ Biểu Chánh sống và sáng tác tại vùng đất Nam Bộ, một vùng đất mới phía cực Nam của Tổ quốc, là nơi có vị trí địa lý thuận lợi cho việc thông thương kinh tế và giao lưu văn hóa với nước ngoài, và dần dần, Nam Bộ đã trở thành một vùng đất tiếp nhận, hội tụ, giao thoa và cộng hưởng của nhiều nền văn hóa, từ nền văn hóa Óc Eo đã có bề dày trầm tích văn hóa, văn hóa của

<sup>(\*)</sup> ThS - Khoa Ngữ văn và Văn hóa học, Trường Đại học Đà Lạt.

người Khơ Me, văn hóa của người Hoa, người Chăm đến văn hóa của các cư dân Việt từ miền Trung, miền Bắc di dân vào khai hoang vỡ đất lập nghiệp: "Đây là một vùng đất mới của Việt Nam được nhà Nguyễn đặc biệt chú ý trong việc điều phối di dân đến khai hoang mở ấp từ miền Trung và miền Bắc vào. Cư dân Việt cộng cư cùng các cư dân nhiều dân tộc khác đặc biệt là những người Hoa, người Khơ Me"<sup>(4)</sup>. Chính vì vậy, văn hóa Nam Bộ vừa mang tính thống nhất trong đa dạng, tiếp xúc và đan xen nhiều chiều, hỗn dung văn hóa nhưng vẫn có sự đồng quy hướng tâm về văn hóa Việt. Những đặc trưng văn hóa đó là nội lực tạo nên bản lĩnh của người Nam Bộ. Nó đã kết tinh vào tâm hồn, tính cách những nghệ sĩ, nhà văn Nam Bộ. Và trong quy luật giao lưu hội nhập, tiếp nhận và kế thừa, đến những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, vùng đất Nam bộ lại đi tiên phong trong vấn đề giao lưu với văn hóa phương Tây và tiếp nhận văn học phương Tây, chủ yếu là văn học Pháp, cách tân đổi mới loại bỏ cái lạc hậu của văn học truyền thống, chọn lọc và tiếp nhận tinh hoa văn học nhân loại đưa văn học dân tộc tinh tiến gần với văn học thế giới. Công lao đó phải kể đến công sức và trí tuệ của các nhà Nho cấp tiến và các nhà trí thức Tây học, trong đó có công đóng góp của nhà trí thức, nhà văn Nam Bộ giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, đã đặt nền móng cho văn học dân tộc đi vào con đường hiện đại hóa ở các giai đoạn sau.

Dù sinh ra khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược và đặt bộ máy cai trị, Hồ Biểu Chánh được dung dưỡng trong một gia đình có bề dày văn hóa truyền thống. Bản thân ông từ thời niên thiếu đã hấp thụ cả hai nền văn hóa, được học cả chữ Nho và chữ Pháp. Khi trưởng thành, tuy cộng tác cho chính quyền thực dân nhưng cho dù ở bất kỳ cương vị và công việc nào, ông vẫn không hành xử trái đạo đức với nhân dân mà nhân đó, ông còn dành những trang tiểu thuyết để phơi bày mọi nỗi khổ của người dân sống trong chế độ nửa thực dân nửa phong kiến của vùng Nam Bộ. 18 cuốn tiểu thuyết được ông sáng tác từ năm 1909 đến 1930 đều mang dấu ấn văn hóa vùng đất Nam Bộ. Từ không gian, thời gian cho đến nhân vật của tiểu thuyết đều là không gian miệt vườn, thị tứ, lịch sử và con người của vùng đất Nam Bộ dưới chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến. Toàn xã hội Việt Nam lúc này chịu sự chi phối bởi nền kinh tế tư bản thương mại thực dân, lấy đồng tiền làm bản vị cho mọi quan hệ xã hội cũng như quan hệ hôn nhân và gia đình. Trong môi trường văn hóa thương mại thực dân, vụ lợi, thực dụng vì đồng tiền, một số bộ phận cư dân bị ảnh hưởng văn hóa thực dụng và làm cho nền văn hóa truyền thống dân tộc

“nhiễm độc”, có nguy cơ “di căn” và “biến dạng”. Trước nguy cơ đó, tiểu thuyết gia Hồ Biểu Chánh có thể nói như “một nhà hoạt động văn hóa”, ông dùng chính trang tiểu thuyết của mình để lưu truyền những tư tưởng văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Ông để nhân vật tự phát ngôn những ưu, nhược điểm của văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại phương Tây để độc giả tự suy ngẫm theo những trải nghiệm cá nhân ở từng thế hệ, tầng lớp hay giai cấp khác nhau. Không những bảo tồn thuần phong mỹ tục của văn hóa Việt Nam, ông còn cổ vũ tinh thần học tập, tiếp thu và chọn lọc những yếu tố nhân văn, tiến bộ của văn hóa nhân loại, loại bỏ các nhân tố lạc hậu, tiếp thu cái mới của văn hóa phương Tây.

Hồ Biểu Chánh bảo tồn văn hóa truyền thống bằng những tấm gương nhân vật luôn sống trọng tình, trọng danh dự, trọng đạo hiếu, biết giữ nhân cách làm người. Đồng thời ông phê phán thói hư tật xấu của con người bị đồng tiền, danh lợi chức tước làm tha hóa dẫn đến tội ác. Điều đó được ông thể hiện qua nội dung, cốt truyện và các nhân vật trong các tiểu thuyết: *Ai làm được*, *Một chữ tình*, *Con nhà nghèo*, *Khóc thầm*, *Tiền bạc bạc tiền*, *Ngọn cỏ gió đùa* hay *Cay đắng mùi đời*... Hầu hết các tiểu thuyết đều kết thúc có hậu cho những nhân vật có tư tưởng nhân văn, coi trọng đạo nghĩa truyền thống, dùng tiền làm việc nghĩa nhân như Thu Hà trong *Khóc thầm*, biết kiếm tiền bằng chính sức lao động và sống trọng tình như Duy Linh trong *Nhân tình ấm lạnh*, như hai anh em Bá Kỳ và Thanh Kiều trong *Tiền bạc bạc tiền*, sống trong môi trường ô nhiễm của gia đình kiếm tiền bằng những thủ đoạn bất lương nhưng họ không nhiễm thói hư tật xấu đó, họ biết “dùng bạc phi nghĩa mà làm việc hữu ích”. Hay như Lê Văn Đó trong *Ngọn cỏ gió đùa* từ bỏ nỗi oán người, hận đời để đi đến vùng đất mới, cần cù lao động, tạo dựng cuộc sống sung túc, từ đó có điều kiện cứu người, giúp đời, chuộc lại những lỗi lầm của mình. Còn những nhân vật đại diện cho lớp người biến chất, sống ác tâm, ác ý với người thân và đồng bào, vì đồng tiền và dục vọng cá nhân mà sẵn sàng làm điều trái với lương tâm và đạo lý làm người, đều có cái kết bi đát: kẻ thì chết thảm như Vĩnh Thái trong *Khóc thầm*, Trần Thị Lành, Đỗ Thị Đào trong *Tiền bạc bạc tiền*, Tấn Thấn trong *Chúa tàu Kim Quy*; kẻ thì phải đến tội, vào tù và mất chức như quan phủ Cà Mau, bà phủ bé trong *Ai làm được*...

Hồ Biểu Chánh đã minh chứng cho chân lý: Hạnh phúc lứa đôi, mái ấm gia đình chỉ được xây dựng trên nền tảng đạo lý, đạo đức, nhân cách, phẩm giá con người, còn tiền bạc, danh vọng, sự giàu có không thể mang đến hạnh phúc

trọn vẹn cho con người. Đồng tiền quan trọng, nhưng nó chỉ có giá trị khi đó là đồng tiền chân chính, được đánh đổi bằng mồ hôi, sức lao động và được sử dụng vào việc chính nghĩa. Nhận định được chân giá trị ấy, trong hầu hết các tác phẩm *Tiền bạc bạc tiền*, *Con nhà nghèo*, *Chúa tàu Kim Quy*, *Ngọn cỏ gió đùa...* kịch tính cốt truyện luôn xoay quanh tâm điểm của đồng tiền, dục vọng, là thủ đoạn giết người, hủ hóa, cưỡng dâm..., là những con người bị tha hóa bởi đồng tiền, bởi lối sống thực dụng phương Tây. Họ bị đồng tiền sai khiến và dùng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt đồng tiền của người khác bất chấp đạo lý. Có lúc đồng tiền đả ngộ họ bước lên địa vị, danh vọng và giàu sang nhưng cũng chính đồng tiền bất lương đó trừng phạt họ đến trắng tay, nhà tan cửa nát và cuối cùng là những cái chết bi thảm như bà Phủ Khánh Long, Đỗ Thị Đào trong *Tiền bạc bạc tiền*, Tấn Thân trong *Chúa tàu Kim Quy*, Hương hào Hội trong *Cha con nghĩa nặng*, gia đình Hai Nghĩa trong *Con nhà nghèo*.

Bên cạnh việc phê phán thói hư, tật xấu chạy theo đồng tiền, chà đạp lên luân thường đạo lý của mọi tầng lớp trong xã hội, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh còn ca ngợi những tấm gương con cháu hiếu đạo, người trò hiếu trung, biết gìn giữ truyền thống tình làng nghĩa xóm theo nghĩa “đồng bào”, đạo nghĩa vợ chồng, hiếu đạo với ông bà cha mẹ, “kiến nghĩa bất vi”, “trọng nghĩa khinh tài”, “trọng tình hơn của”, “lá lành đùm lá rách”, “lá rách ít đùm lá rách nhiều” nhằm giáo dục cho thế hệ đương thời như Bạch Tuyết trong *Ai làm được*, những người vợ ngoan hiền chung thủy như Bà Thời trong *Cay đắng mùi đời*, Thu Hà trong *Khóc thầm*, Thu Vân trong *Chút phận linh đình...* Ông ca ngợi những con người có lòng vị tha, cao thượng như Hương sư Cu trong *Con nhà nghèo*, Hiếu Liêm trong *Tiền bạc bạc tiền*, những người trọng nhân cách, đạo đức chứ không trọng tiền, như Bạch Khiếu Nhàn trong *Ai làm được*, lòng quảng đại giúp người hướng thiện như nhà sư Thiện Tâm trong *Cay đắng mùi đời*, coi trọng đạo nghĩa hơn tiền tài như thầy Đăng, thầy Được trong *Ngọn cỏ gió đùa* và giữ chữ tình và chữ hiếu đều trọn vẹn như Hiền Vinh trong *Chút phận linh đình*, tinh thần yêu nước trừ gian, trừ bạo ngược như Lê Văn Khôi tụ nghĩa giết quan quân biến chất tại trấn Gia Định trong *Ngọn cỏ gió đùa*.

Không chỉ phản ánh các giá trị văn hóa tinh thần và thiết chế xã hội của người Nam Bộ trong dòng chảy tiếp biến văn hóa Đông - Tây, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh còn phản ánh tỉ mỉ và rõ nét những biến đổi văn hóa vật chất của người Nam Bộ giai đoạn 1900 - 1930. Sự tiếp nhận văn hóa vật chất như phương tiện đi lại, kiến trúc nhà ở và ẩm thực phương Tây được nhà văn phản

ánh trong các tác phẩm: *Con nhà nghèo*, *Một chữ tình*, *Cay đắng mùi đời*, *Tiền bạc bạc tiền*... Không gian sinh hoạt xã hội trong tiểu thuyết, ngoài những phương tiện truyền thống của cư dân vùng sông nước Nam Bộ như ghe, thuyền, còn xuất hiện ô tô - phương tiện đi lại của những gia đình giàu có. Bên cạnh đó, nhà ở cũng có sự tiếp nhận kiến trúc văn hóa phương Tây. Ngoài nhà ở bằng cây bần, lú lá trong không gian nhà ở truyền thống của người Nam Bộ "một cái nhà ba căn, cột bằng cây bần, nóc lợp lá xé, cửa cặp lá chằm, vách gài bằng tre, trước sân một bên bắt một đồng rom", nhà ở của những người giàu hay nhà ở tại các thị tứ Nam Bộ cũng có sự "kinh dinh" hơn theo mô hình biệt thự sân vườn của phương Tây được Hồ Biểu Chánh thể hiện qua ngôn ngữ tiểu thuyết khi tả ngôi nhà của ông Hiến Đạt trong *Chút phận linh đình*, nhà của ông Hội đồng trong *Khóc thầm*, nhà quan Phủ trong *Tình mộng*, nhà của Huỳnh Tú Phan trong *Nhân tình ấm lạnh*... Cơm trắng và mắm cá sặc vốn là những món ăn thường nhật, truyền thống của người Nam Bộ cũng được tác giả đưa vào tiểu thuyết: mâm cơm của gia đình Cai Tuần Bưởi trong *Con nhà nghèo* chỉ có cơm và mấy khứa cá lóc kho; nắm cơm cùng mấy con mắm sặc của Trần Văn Sửu trong *Cha con nghĩa nặng* mang theo để dùng bữa trưa ngoài ruộng; nồi cơm nguội và con mắm sặc của bà lão trong *Chúa tàu Kim Quy* giúp cho Thủ Nghĩa qua cơn đói... Trong khi đó, bữa ăn của gia đình Hương chủ Khanh trong *Con nhà nghèo*, của gia đình ông Hội đồng trong *Khóc thầm* đã có rượu sâm panh, bánh mì, thịt hộp và cá hộp – những món ăn theo kiểu cách Tây phương, cho thấy những đổi thay trong quán tính hưởng thụ đời sống vật chất ở bộ phận giàu có trong xã hội thuộc địa.

Tư tưởng nhân nghĩa và đạo lý truyền thống luôn là chủ đề thường thấy trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Ngay trong tiêu đề đã hàm chứa nội hàm tư tưởng mà tác phẩm muốn phản ánh: *Vì nghĩa vì tình*, *Cha con nghĩa nặng*, *Nhơn tình ấm lạnh*, *Con nhà nghèo*... Tên nhân vật cũng được tác giả đặt cho phù hợp với tính cách, đạo đức, giai cấp và tầng lớp mà nhân vật ấy đại diện như: Bạch Tuyết, Chí Đại, Bạch Khiếu Nhân, Ánh Nguyệt, Được, thầy Đàng, Ba Thời... Tất cả đều gắn với nội dung tư tưởng mà tiểu thuyết phản ánh và nhân vật đại diện. Đó là luân lý của đạo trung hiếu, đạo thầy trò, đạo phu thê, đạo phụ tử, tình huynh đệ và tình bằng hữu của Nho giáo, được người Nam Bộ bản địa hóa, trở thành nếp nghĩ, nếp sống, quan niệm sống mang nét riêng của người Nam Bộ. Đạo nghĩa ấy "Được hiếu là ăn ở cho phải đạo, hợp lẽ phải ở đời. Còn "nghĩa" là nghĩa khí, là ăn ở thủy chung, dám xả thân vì nghĩa lớn, không ỨC

hiếp người thế cô, không phân biệt người thế cô, không phân biệt sang hèn"<sup>(5)</sup>.

Lo sợ văn hóa phương Tây làm tha hóa các giá trị truyền thống trong thời buổi "gió Á mưa Âu", Hồ Biểu Chánh đã gửi gắm mọi tâm tư vào tư tưởng nội dung chủ đề của tiểu thuyết nên "Nhà văn thường có khuynh hướng duy trì đạo đức, phong hoá cũ, tỏ ý bất bình vì những sự lỗi lãng đã diễn ra trong gia đình Việt Nam"<sup>(6)</sup>. Tất cả những nét đẹp văn hóa của người Việt Nam nói chung và người Nam Bộ nói riêng, đều hòa quyện và hội tụ trong những nhân vật của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Họ là "những con người có tấm lòng nhân ái, cao thượng, biết giữ phẩm chất"<sup>(7)</sup>, những nhân vật đại diện cho những con người Việt Nam dũng cảm, can trường và chăm chỉ trong lao động sản xuất và chống giặc ngoại xâm, luôn sống chan hòa tình nghĩa với xóm làng theo nghĩa đồng bào, sống thủy chung đúng đạo vợ chồng và luôn hiếu đạo với ông bà, cha mẹ. Vì thế tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh còn được coi như bộ sưu tập trưng bày và lưu giữ các giá trị văn hóa của đất và người Nam Bộ.

Có thể nói, bảo tồn giá trị đạo đức của văn hóa truyền thống là đề tài, là cảm hứng chủ đạo xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác của Hồ Biểu Chánh giai đoạn 1900 - 1930. Ông đề cao đạo lý làm người và lên án những thói hư tật xấu, sự tha hóa đạo đức của một bộ phận cư dân đương thời. Thông qua tiểu thuyết, ông ra sức ngăn chặn sự tha hóa đó bằng cách nêu cao đạo lý làm người theo tư tưởng Nho giáo, đề cao "trung hiếu tiết nghĩa" và lấy thuyết nhân quả trong đạo Phật như một phương thuốc "đặc trị" cho hiện tượng "nhiễm độc" văn hóa phương Tây, làm "biến dạng" văn hóa truyền thống. Vì thế, trong tiểu thuyết thời kỳ này, tất cả các cốt truyện của Hồ Biểu Chánh đều vận hành theo motif hai tuyến nhân vật thiện - ác, tuân theo quy luật nhân - quả, ác giả ác báo, chính nghĩa luôn thắng gian tà của văn học truyền thống.

3. Tựu chung lại, nội dung tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh thể hiện được đặc trưng riêng có của văn hóa Nam Bộ, vừa mang sắc thái riêng của đạo lý Nho giáo vùng đất cực Nam của Tổ quốc nhưng cũng không mất đi cốt lõi đạo làm người trong truyền thống văn hóa của nền văn minh lúa nước sông Hồng, đó là: "Tinh thần trọng nghĩa khinh tài ấy hòa với ước mơ đạo lý của người bình dân về cái thiện thắng cái ác, lòng tốt thì được đền bù còn tội ác thì bị trừng trị làm cho tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh gần gũi với người bình dân vốn trọng tình nghĩa, khao khát công lý ở đời"<sup>(8)</sup>. Đây cũng chính là đặc trưng văn hóa trọng cộng đồng, gia tộc, tôn ty trật tự của gia phong và sự đùm bọc che chở của tình làng nghĩa xóm.

Với tư tưởng dung hòa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, Hồ Biểu Chánh thường trần trụi “làm thế nào cho xã hội có được phong hóa lành mạnh”, bởi thế, như phát hiện của GS. Nguyễn Lộc, nhà văn “chưa bao giờ đứng về phía cái mới để đả kích cái cũ, hay ngược lại đứng về phía cái cũ để đả kích cái mới. Thái độ của ông là tìm cách dung hòa cái mới và cái cũ”<sup>(9)</sup>. Tác giả đã để cho các lớp nhân vật đại diện tư tưởng, nếp sống mới vượt qua ranh giới đạo lý. Trong không gian tiểu thuyết, bản thân họ phải trải bao khó khăn của cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần, họ phải tha phương, phiêu lưu và sau cùng là một sự đoàn viên hoặc dung hòa giữa các tuyến nhân vật. Tư tưởng cũ – mới đều có tính ưu việt riêng, nhằm thỏa lòng mong mỏi của độc giả, khác hẳn với tiểu thuyết cùng thời không tìm được tiếng nói chung và kết thúc tác phẩm thường bảo thủ đẩy nhân vật đi đến hành động tiêu cực như kết thúc bi thảm của *Tố Tâm* trong *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách. Đây chính là tính nhân văn tiến bộ mà tác giả chắt lọc và tiếp thu tính nhân bản và nhân văn của văn hóa phương Tây, bổ sung và phát triển văn hóa truyền thống Việt Nam cùng hội nhập và phát triển vào dòng chảy của văn hóa nhân loại để văn hóa Việt Nam đi vào hiện đại nhưng vẫn không mất đi những giá trị truyền thống □

<sup>(9)</sup> Lê Ngọc Thúy: *Đóng góp của văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX vào tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam* (Luận án tiến sĩ) Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 43.

<sup>(2)</sup> Nguyễn Thanh Liêm: *Xã hội văn hóa Việt Nam trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*, Nguồn [http://www.hobieuchanh.com/pages/baiviet/NguyenThanhLiem/NTL\\_tieuthuyet.pdf](http://www.hobieuchanh.com/pages/baiviet/NguyenThanhLiem/NTL_tieuthuyet.pdf).

<sup>(3)</sup> Huỳnh Như Phương: *Văn học và văn hóa truyền thống*, Tạp chí *Nhà văn*, số 10-2009, tr. 20.

<sup>(4)</sup> Hồ Bá Thâm: *Văn hóa Nam bộ - Vấn đề và phát triển*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 2003, tr. 6.

<sup>(5)</sup> Huỳnh Thị Lan Phương: *Tính cách người nông dân Nam Bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*, *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 12 - 2009, tr. 153.

<sup>(6)</sup> Vũ Ngọc Khánh: *Văn hoá gia đình Việt Nam*, Nxb. Văn hoá dân tộc, H., 1998, tr. 175.

<sup>(7)</sup> Nguyễn Huệ Chi, Đỗ Đức Hiểu, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (đồng chủ biên): *Từ điển Văn học* (Bộ mới). Nxb. Thế giới, H., 2005, tr. 631.

<sup>(8)</sup> Lê Ngọc Thúy: *Đóng góp của văn học Quốc ngữ ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX vào tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam*, Tlđđ, tr. 203.

<sup>(9)</sup> Hoài Anh (lược thuật): *Hội thảo khoa học về nhà văn Hồ Biểu Chánh*. Nguồn <http://www.hobieuchanh.com/pages/baiviet/HoaiAnh/HoiThaoKhoaHoc.htm>